


CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

 181-183, đường Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ,
Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

 (0277) 3877 012

 www.dopetco.com.vn



BÁO CÁO | 2023
THƯỜNG NIÊN
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP



MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 13 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 18 Định hướng phát triển
- 19 Các rủi ro

5

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 25 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 27 Tổ chức và nhân sự
- 32 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 33 Tình hình tài chính
- 37 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 39 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

23

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 43 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 45 Tình hình tài chính
- 47 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 47 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 48 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 49 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

41

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 53 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 54 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 54 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

51

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 57 Hội đồng quản trị
- 61 Ban kiểm soát
- 63 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

55

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 67 Ý kiến kiểm toán
- 68 Báo cáo tài chính

65

01

THÔNG TIN CHUNG

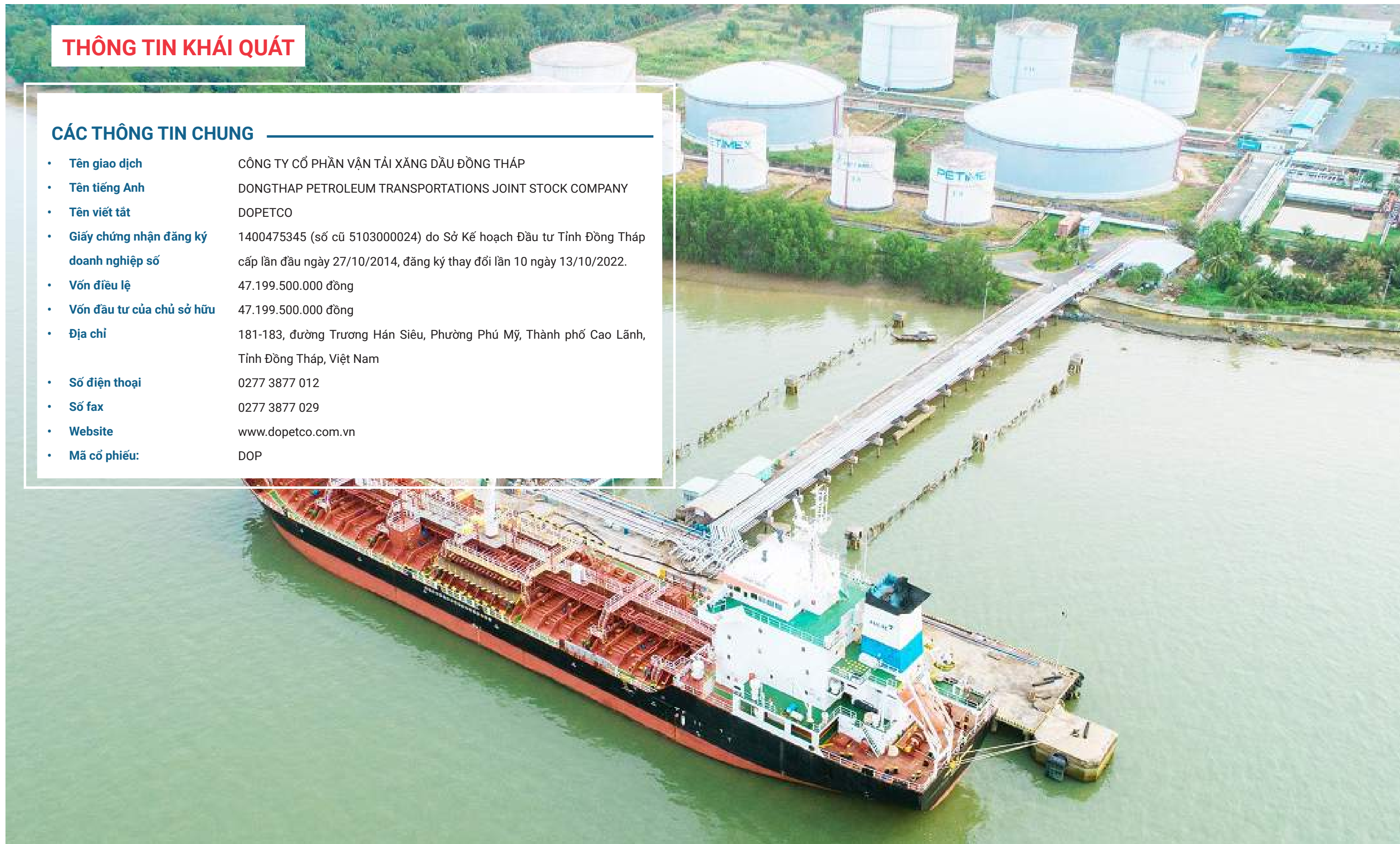
- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC THÔNG TIN CHUNG

- **Tên giao dịch** CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
- **Tên tiếng Anh** DONGTHAP PETROLEUM TRANSPORTATIONS JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt** DOPETCO
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số** 1400475345 (số cũ 5103000024) do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/10/2014, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 13/10/2022.
- **Vốn điều lệ** 47.199.500.000 đồng
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 47.199.500.000 đồng
- **Địa chỉ** 181-183, đường Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- **Số điện thoại** 0277 3877 012
- **Số fax** 0277 3877 029
- **Website** www.dopetco.com.vn
- **Mã cổ phiếu:** DOP



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 10/08/2004, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 160/QĐ-UB-TL. Theo đó, Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải xăng dầu thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Tháng 11/2004, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (CTCP) với vốn điều lệ là 18.172.600.000 đồng.

Công ty qua 2 đợt nâng vốn điều lệ lên 43.705.100.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 09/09/2019, Công ty phát hành thêm 349.440 cổ phiếu để trả cổ tức, nâng tổng số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch lên 4.719.950 cổ phiếu tương đương với 47.199.500.000 đồng vốn điều lệ.

Ngày 12/10/2015, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp đã nhận được sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch tại thị trường UPCOM với khối lượng 4.370.510 cổ phiếu, mã chứng khoán DOP.

Ngày 20/11/2023, căn cứ công văn số 8010/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp (DOP), tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của DOP là 0%..

2004

2008

2011

2015

2019

2023

Ngày 18/08/2011, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận số 59/2011/GCNCP-VSD về việc đăng ký chứng khoán.

CÁC SỰ KIỆN KHÁC Không có

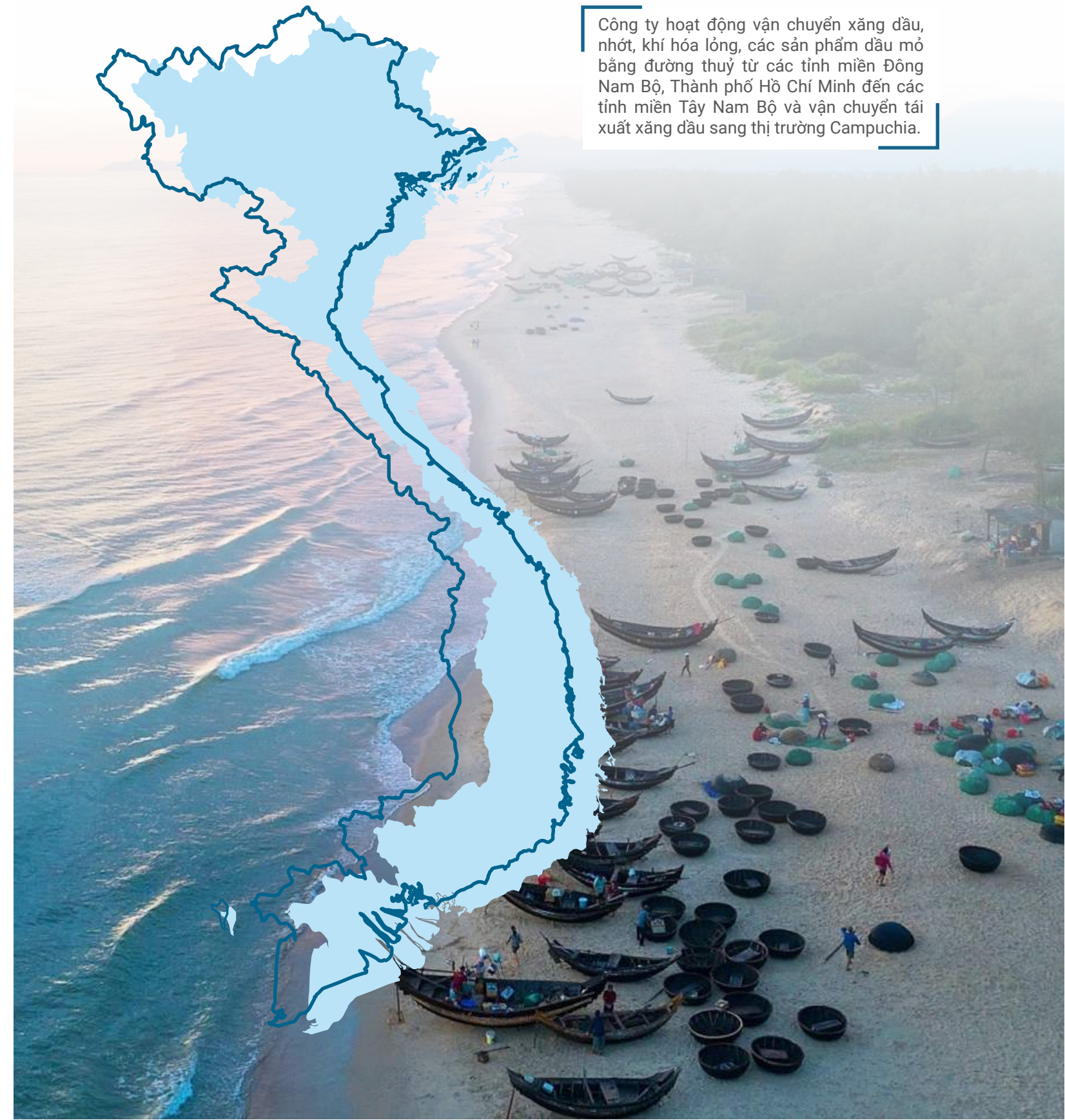
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÃ	TÊN NGÀNH/NGHỀ
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5022 (Chính)	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho, bồn chứa xăng dầu. Dịch vụ kho ngoại quan
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic (Dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển. Quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển. Dịch vụ cảng và bến cảng như hoa tiêu, lai dắt, hỗ trợ kéo tàu biển, cung cấp thực phẩm, dầu, nước, thu gom rác và xử lý nước la canh thải, dịch vụ cảng vụ, bảo đảm hàng hải, dịch vụ khai thác trên bờ cần thiết cho hoạt động con tàu kể cả cung cấp thông tin liên lạc, nước, điện, sửa chữa khẩn cấp thiết bị, dịch vụ neo đậu và cầu cảng)
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic (Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Dịch vụ khai thuê hải quan)
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán xăng dầu, nhớt
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Công ty hoạt động vận chuyển xăng dầu, nhớt, khí hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ bằng đường thủy từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và vận chuyển tái xuất xăng dầu sang thị trường Campuchia.

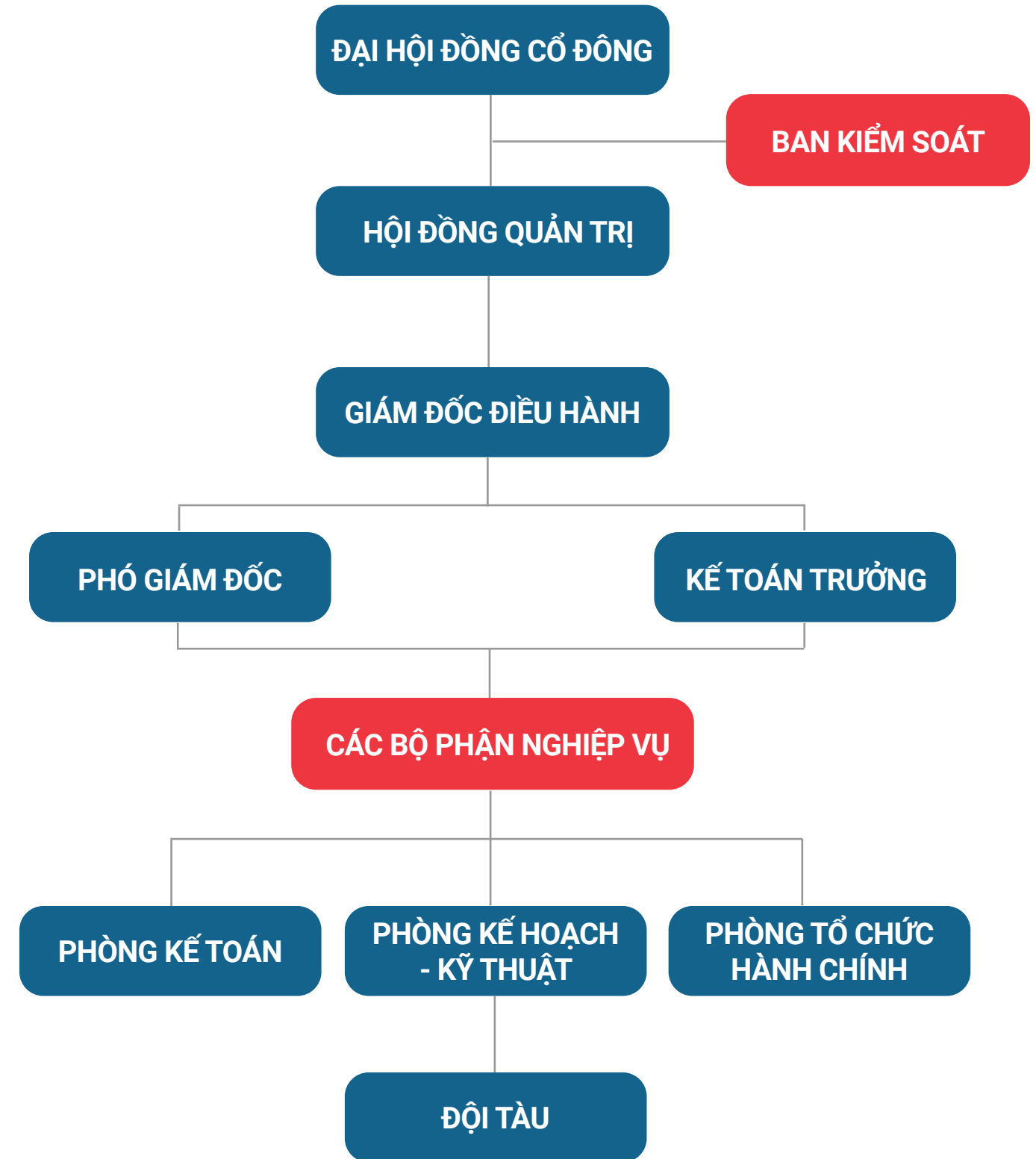
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty áp dụng mô hình quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, bao gồm:



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON , CÔNG TY LIÊN KẾT Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Đối với hoạt động kinh doanh

- Xây dựng, phát triển DOP trở thành doanh nghiệp vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí hàng đầu trong khu vực, mở rộng khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi cung ứng trên toàn cầu.
- Ưu tiên hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp tình hình, quy định của Việt Nam, Campuchia trong tình hình mới, đảm bảo an toàn cho lực lượng thuyền viên.
- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên, hạn chế tối đa tai nạn giao thông, đảm bảo máy móc và chi phí sửa chữa nhằm tiết kiệm chi phí.
- Chủ động phối hợp với phía chủ hàng có kế hoạch vận chuyển hợp lý nhằm tăng cường quãng đường có hàng cho phương tiện.
- Đối với hoạt động vận chuyển tái xuất, Công ty chủ động củng cố mối quan hệ với các đối tác truyền thống.
- Công ty có kế hoạch xúc tiến nguồn hàng vận chuyển mới, cả trong vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.
- Không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh với tư cách là thành viên của PETIMEX và đem thương hiệu DOPETCO ngày càng phát triển trên thương trường góp phần ổn định thị trường nhiên liệu đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, tối đa lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với hoạt động thanh lý tàu cũ, đầu tư

Tiếp tục xin ý kiến chào bán các tàu khai thác không hiệu quả, các tàu chuẩn bị hết niên hạn khai thác, đầu tư thay thế và mở rộng khi có điều kiện và cơ hội.

Đối với công tác an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ

Tiếp tục phát động, triển khai các phong trào thi đua cho các tàu thông qua các tổ chức đoàn, hội để lồng ghép vào công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về vận chuyển xăng dầu nội địa và vận chuyển tái xuất Campuchia bằng cách xây dựng đội tàu phát triển đa dạng về tải trọng, chất lượng, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên.



Nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động, đảm bảo cung cấp các dịch vụ chất lượng, giá cả cạnh tranh tại cả thị trường nội địa và quốc tế.



Xây dựng giá cả cạnh tranh đi cùng với chất lượng dịch vụ cao, vừa đảm bảo vừa lòng khách hàng, vừa nâng cao vị thế thương hiệu, vừa đảm bảo lợi nhuận tại cả thị trường nội địa và quốc tế.



Hạn chế tối đa tai nạn giao thông, bảo quản máy móc và chi phí sửa chữa nhằm tiết kiệm chi phí; chủ động liên hệ với phía chủ hàng để đưa ra kế hoạch vận chuyển hợp lý, tránh tình trạng gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần đảm bảo tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững cho Công ty.



Tập trung tìm kiếm giải pháp mở rộng thị trường đặc biệt ở khu vực miền Tây và khu vực Thành phố Hồ Chí Minh để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng tầm thương hiệu; đầu tư thay thế và mở rộng khi có điều kiện và cơ hội, xin ý kiến chào bán các tàu khai thác không hiệu quả, các tàu chuẩn bị hết niên hạn khai thác.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

* Đối với môi trường

Trong sự nghiệp phát triển của xã hội nói chung và của Công ty nói riêng, DOPETCO luôn coi công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của Công ty. Với đặc thù ngành nghề tác động đến môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch; thiết bị có khả năng tiết kiệm năng lượng nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, công tác an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ. Ngoài ra, phát triển DOPETCO với mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, an ninh năng lượng, an toàn và thân thiện với môi trường sống.

* Đối với xã hội

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng. Công ty gắn liền hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh với những giá trị bền vững mang đến cho cộng đồng, xã hội. Theo đó, Công ty đóng góp vì sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc xác định các mục tiêu chính, khuyến khích sự tham gia tích cực của CB-CNV. Với ý thức trách nhiệm và tâm niệm chung tay xây dựng cộng đồng, lan tỏa yêu thương và những giá trị nhân văn trong cuộc sống, Công ty tích cực phát động, triển khai các phong trào thi đua cho các tàu thông qua các tổ chức đoàn, hội để lồng ghép vào công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị; Công ty luôn chú trọng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua các chính sách, chương trình và hành động thiết thực: Hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên nghèo hiếu học, trẻ em mồ côi v.v...; Chung tay khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; Nỗ lực đóng góp nguồn lực cho an sinh xã hội qua các hoạt động thiện nguyện, hoạt động thăm hỏi gia đình khó khăn, trở thành những đôi chân không biết mệt mỏi trong hành trình vì cộng đồng.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trên bình diện toàn cầu, tình hình lạm phát đang có xu hướng hạ nhiệt. Theo Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) vào tháng 10/2023 dự báo lạm phát toàn cầu năm 2024 sẽ giảm xuống dưới 5,8%, nhờ lãi suất tăng, giá hàng hóa giảm và sự suy giảm trong lĩnh vực sản xuất. Cụ thể, áp lực giá cả tại Mỹ được dự báo sẽ giảm bớt khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại giúp giảm mức lạm phát về mức 2,6%; Lạm phát của Trung Quốc được dự báo tiếp tục duy trì ở mức thấp do nhu cầu yếu và khủng hoảng bất động sản, lạm phát tại nền kinh tế lớn thứ hai thế giới được dự báo là 1,7%. Trong đó, Việt Nam được dự báo ghi nhận lạm phát 3,4% năm 2024. Con số này thấp hơn mức lạm phát mục tiêu đã được Quốc hội thông qua cho năm nay là từ 4% - 4,5%. Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%. Tuy nhiên, cơn sóng lạm phát vẫn có thể tiếp diễn tăng mạnh do xung đột địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, thị trường lao động mạnh hơn dự báo cũng có thể thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, từ đó đẩy giá cả leo thang. Đặc biệt, đối với giá xăng dầu thế giới những tháng đầu trong năm 2024 biến động khó lường do chịu ảnh hưởng của các yếu tố như: Tồn kho dầu của Mỹ tiếp tục tăng, Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) giữ quan điểm cắt giảm lãi suất trong tương lai gần, căng thẳng tại khu vực Trung Đông chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, xung đột tại khu vực Biển đỏ vẫn tiếp diễn ảnh hưởng đến hoạt động vận tải... Trước những diễn biến giá xăng dầu thế giới, biến động tỷ giá VND/USD và các quy định hiện hành, liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định phương án điều hành giá xăng dầu nhằm bảo đảm biến động giá xăng dầu trong nước cơ bản phù hợp với biến động giá xăng dầu thế giới; tiếp tục duy trì mức chênh lệch giá giữa xăng sinh học E5RON92 và xăng khoáng RON95 ở mức hợp lý để khuyến khích sử dụng

nhiên liệu sinh học theo chủ trương của Chính phủ; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia thị trường, hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu duy trì, cung ứng xăng dầu cho thị trường trong nước; hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân. Ngoài ra, Chính phủ ban hành Nghị định 80/2023/NĐ-CP sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 95/2021/NĐ-CP và Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, trong đó rút ngắn thời gian điều hành giá xăng, dầu từ 10 ngày xuống 7 ngày, sẽ giúp giá xăng, dầu trong nước tiệm cận sát với giá thị trường thế giới. Thêm vào đó, Chính phủ cũng đã phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng, dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong dài hạn, đây chính là giải pháp hữu hiệu để giúp ổn định cung cầu và giá xăng, dầu trong nước. Trong năm 2023, bất chấp những tín hiệu không lạc quan của thị trường xăng dầu trong và ngoài nước, Công ty luôn nỗ lực vươn lên trong tăng trưởng về hoạt động kinh doanh. Theo đó, tổng doanh thu đạt 89.623 triệu đồng, tăng 6,82% so với năm 2022, tăng 12,03% so với kế hoạch được thông qua tại Đại hội thường niên năm 2023. Một yếu tố then chốt góp phần vào sự tăng trưởng này đến từ hoạt động vận chuyển xăng dầu tái xuất, nhờ vào sự kiện tái mở cửa sau khi bãi bỏ chính sách "Zero Covid", Công ty có cơ hội xúc tiến các nguồn hàng vận chuyển mới, gia tăng tỷ trọng nguồn thu tái xuất trong cơ cấu doanh thu. Đồng thời, trong năm 2023, Công ty cũng đã giải quyết triệt để khó khăn về thị trường, tất toán các khoản vay trong danh mục nợ phải trả, cải thiện tình hình tài chính được đảm bảo lành mạnh, minh bạch, vốn được bảo toàn.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM). Vì thế, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, các văn bản quy phạm pháp luật và các nghị định/ thông tư hướng dẫn có liên quan. Bên cạnh đó, với đặc thù là Công ty vận chuyển, Công ty phải tuân thủ các yêu cầu, quy định liên quan đến thuế và thủ tục hải quan, Luật Hàng hải tại Việt Nam và quốc tế. Hơn nữa, sản phẩm Công ty vận chuyển thuộc lĩnh vực xăng dầu đặc thù, chịu sự điều tiết và kiểm soát chặt chẽ của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương. Trong tình hình kinh tế - chính trị có nhiều biến động, các văn bản quy phạm pháp luật theo đó cũng luôn được cập nhật, bổ sung, sửa đổi kịp thời để hoàn thiện với từng giai đoạn. Trong quá trình hoạt

động, DOPETCO luôn chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật, thường xuyên cập nhật và đáp ứng sự thay đổi trong các văn bản luật liên quan để linh hoạt điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Với tình hình hội nhập như hiện nay, việc tạo ra một hệ thống luật lệ an toàn và đảm bảo việc bảo vệ nhà đầu tư trong và ngoài nước là rất quan trọng. Với vị thế là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành, DOPETCO có kinh nghiệm trước những thay đổi chính sách của Chính phủ, Bộ Tài chính. Công ty luôn cập nhật, theo dõi sát sao các chính sách cũng như các văn bản pháp luật hiện hành về lĩnh vực vận tải xăng dầu. Từ đó, đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty đúng quy định, phòng ngừa các rủi ro pháp lý trong quá trình vận hành.

RỦI RO THỜI TIẾT

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của DOPETCO chủ yếu là vận chuyển xăng dầu tới các đơn vị trong và ngoài nước. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, các yếu tố đến từ thiên nhiên như mưa, bão, lũ lụt... gây ra tình trạng gây ra tình trạng lật, nghiêng tàu, nghiêm trọng hơn là làm gãy thân tàu, dẫn đến hàng hóa bị rò rỉ, vỡ nát khi đè lên nhau. Ngoài ra, việc hoạt động thời gian dài trên tàu sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của thuyền viên cũng như tàu thuyền, máy móc và thiết bị. Đặc biệt, đối với biến đổi khí hậu trên toàn cầu đang diễn biến vô cùng khắc nghiệt, trái đất đang dần nóng lên. Theo báo

cáo năm 2023 của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO), trong giai đoạn 2023 - 2027, nhiệt độ trung bình năm toàn cầu có thể sẽ cao hơn 1,5°C so với mức thời kỳ tiền công nghiệp trong ít nhất một năm do sự kết hợp giữa ô nhiễm bầu nhiệt và hiện tượng El Nino. Để thực hiện hiệu quả công tác bảo hộ lao động, Công ty đã chủ động lên kế hoạch phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; Tất cả nhân sự liên quan được trang bị những kỹ năng cần thiết để sẵn sàng hoàn thành tốt các đợt diễn tập cũng như xử lý các tình huống cứu hộ, cứu nạn.



CÁC RỦI RO

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

DOPETCO luôn ý thức trong việc bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ sự cố hoặc các vấn đề liên quan đến môi trường. Vì thế, không chỉ tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu và quy định về bảo vệ môi trường của các cơ quan quản lý, Công ty tích cực trong công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ nội bộ.

Trong lĩnh vực vận tải xăng dầu, Công ty phải đối mặt với các vấn đề liên quan đến môi trường nước do hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng sà lan, tàu thủy. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh cũng tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ dầu nhớt gây ô nhiễm môi trường. Là một đơn vị vận tải biển của Việt Nam, Công ty luôn tập trung thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường bao gồm đầu tư vào máy móc, các thiết bị kiểm soát, quản lý nước dằn nhằm ngăn chặn và ngăn ngừa tình huống rò rỉ hoặc tràn dầu có thể gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.



RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Năm 2023 là một năm đầy biến động đối với giá xăng, dầu trên toàn Thế giới. Cụ thể, xung đột tại Nga và Ukraine diễn ra đã làm cho nguồn cung các sản phẩm năng lượng bị gián đoạn, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ lại tăng đã làm cho giá dầu tăng đột biến từ đầu năm 2023. Ngoài ra, với tác động tăng nhu cầu về năng lượng do các quốc gia trên Thế giới đang dần phục hồi nền kinh tế sau dịch Covid-19 dẫn đến các hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trở lại cũng là nguyên nhân khiến giá xăng, dầu biến động trong năm vừa qua. Hiện nay, giá xăng, dầu trong nước lại phụ thuộc rất lớn và trực tiếp từ giá Thế giới. Với biến động năng lượng trong năm qua đã khiến giá bán lẻ xăng tăng 29% đến 38% và giá dầu tăng 55,6% đến gần 60% so với mức tăng bình quân của năm trước đó. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, biến động giá xăng, dầu cũng như các khoản phí có liên quan sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Do đó, để giảm các rủi ro ảnh hưởng từ biến động giá nhiên liệu, Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình nhằm kịp thời đưa ra những giải pháp phù hợp trong mọi tình huống. Ngoài ra Công ty còn theo dõi, cập nhật định mức tiêu hao nhiên liệu cũng như thường xuyên tiến hành kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng, triển khai các chương trình giúp tiết kiệm nhiên liệu,... đảm bảo lợi nhuận của Công ty không bị ảnh hưởng.



RỦI RO CẠNH TRANH

Xăng dầu là nguồn năng lượng quan trọng nhất trên toàn cầu, được sử dụng rộng rãi cho vận tải, sản xuất và nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Đây là nguồn năng lượng chủ yếu cho các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không và đường biển, đóng vai trò quan trọng trong việc di chuyển hàng hóa và con người. Ngoài ra, ngành xăng dầu là một trong những ngành có ảnh hưởng lớn đến thị trường tài chính và giá cả toàn cầu. Biến động giá cả của dầu thô có thể tác động đến nền kinh tế thế giới và có thể gây ra sự biến động trong thị trường chứng khoán và thị trường hàng hóa. Theo đó, ngành xăng dầu đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu và cuộc sống hàng ngày của mọi người, nhưng cũng đồng thời mang lại nhiều thách thức liên quan đến môi trường và an ninh năng lượng.

Theo bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, nước ta có thể mạnh "trời cho", đó là bờ biển dài, gắn với đó là rất nhiều cảng biển lớn đa dạng từ Bắc vào Nam. Tuy nhiên, trong khi vận tải bằng đường bộ về hàng hóa chiếm tới gần 80% thì hệ thống cảng biển, đường biển, hệ thống đường thủy dày đặc vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Theo đó, để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện nay cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đặt ra mục tiêu nâng tỉ trọng vận tải hàng hải, đường thủy nội địa lên ít nhất là 50%, giúp giảm chi phí logistics, giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng. Điều quan trọng nữa là giảm được tai nạn giao thông, giảm số người chết, số người bị thương.

Tại thị trường xăng dầu miền Nam, đặc biệt là ở tỉnh Đồng Tháp, mật độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận tải xăng dầu trên đường thủy đang ngày càng gia tăng. Năng lực vận chuyển của các đội tàu ngày càng tăng mạnh dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt về giá cước, ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu của Công ty. Theo Chủ tịch Hội Vận tải thủy nội địa Việt Nam, phương tiện vận tải thủy kinh doanh chuyên nghiệp chiếm tỉ lệ chưa cao, kinh doanh không thường xuyên. Tuy nhiên, đa số phương tiện vận tải lẻ, Công ty tư nhân chỉ có số lượng 2-3 sà lan, manh mún, đông nhưng không mạnh, không đủ cạnh tranh. Ngược lại, tạo ra sự cạnh tranh giá cước, tăng tiêu cực, tăng chi phí, trốn thuế làm chậm sự phát triển ngành đường thủy nội địa. Đặc biệt, có một xu hướng rõ ràng hơn về việc tập trung giao nhận hàng tại các kho đầu mối, ưu tiên giảm thiểu vận chuyển qua các kho trung gian. Điều này đã tạo ra sự ảnh hưởng đáng kể đến thị phần khách hàng sử dụng dịch vụ vận chuyển của Công ty.

Trong tình hình khó khăn và đầy thách thức, Nhà nước cho rằng cần xây dựng ban hành Luật Giao thông đường thủy mới, thay thế các quy định lỗi thời, không đồng nhất, dễ dẫn đến tai nạn giao thông trong lĩnh vực hàng hải.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả và duy trì vị thế trong ngành vận tải xăng dầu, việc đổi mới và thích ứng với sự biến đổi của thị trường là cực kỳ quan trọng. Công ty cần đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh của mình để đáp ứng nhu cầu ngày càng thay đổi của khách hàng và thị trường. Quy trình cải tiến liên tục cùng với việc tối ưu hóa hoạt động vận tải sẽ là chìa khóa để thích nghi và phát triển bền vững trong ngành này.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã được đưa ra, Công ty còn đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như thiên tai trên biển, biến động, hỏa hoạn, cháy nổ, đắm tàu... có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến nhân sự, tài sản, tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy, Công ty đã và đang thường xuyên tham gia các chương trình bảo hiểm cho người lao động và tài sản tại các tổ chức bảo hiểm uy tín.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Năm 2023 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam khi các yếu tố vĩ mô như sự nỗ lực hạ lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước, kế hoạch đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công của Chính phủ hay các triển vọng gia tăng thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài chưa được phát huy hiệu quả như mong đợi. Bên cạnh đó, sự giảm sút về tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu, trong khi nợ xấu tăng, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao và hành động giảm lãi suất quyết liệt của FED cũng đã đặt ra những áp lực lớn về điều hành giá và mặt bằng lãi suất đối với một nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam. Theo Tổng cục thống kê, GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trước tình hình kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong nền kinh tế phối hợp tháo gỡ, những dấu hiệu phục hồi khả quan hơn vào nửa cuối năm 2023 mở ra một năm 2024 đầy hứa hẹn cho nền kinh tế Việt Nam.

Tình hình Trung Đông tiếp tục căng thẳng, giá năng lượng và thực phẩm có nguy cơ tiếp tục gia tăng. Các sản phẩm của dầu thô như xăng dầu là nguyên liệu trực tiếp của hoạt động vận chuyển, và là yếu tố tác động trực tiếp đến chi phí hình thành sản phẩm. Chi phí sản xuất sản phẩm tăng ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu sử dụng của người dân, bên cạnh đó sản lượng thành phẩm cũng có xu hướng giảm theo, làm giảm sản lượng nhập, xuất hàng thông qua cảng.

Năm 2023, DOPETCO nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, cùng với sự hợp tác và ủng hộ của các đơn vị bạn trong cùng Ngành. Các cấp lãnh đạo Công ty luôn đoàn kết nhất trí và đồng lòng trong công tác điều hành Công ty hoàn thành những kế hoạch đã đề ra.

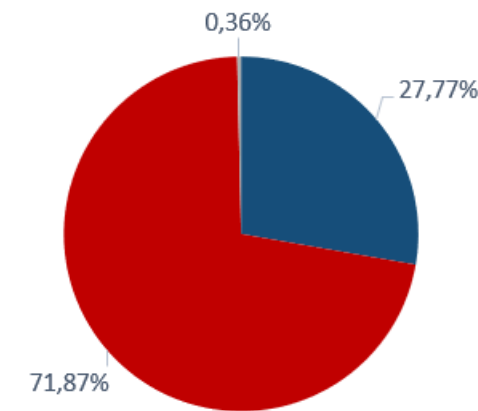
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	KH 2023	Năm 2023	%TH 2023/ KH 2023	%TH 2023/ TH 2022
1	Doanh thu thuần	83.666	-	86.639	-	103,55%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.214	-	14.779	-	144,70%
3	Lợi nhuận khác	(195)	-	748	-	-383,23%
4	Lợi nhuận trước thuế	10.019	9.000	15.528	172,53%	154,99%
5	Lợi nhuận sau thuế	8.024	-	12.442	-	155,07%
6	Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	12%(*)	120%	103,55%

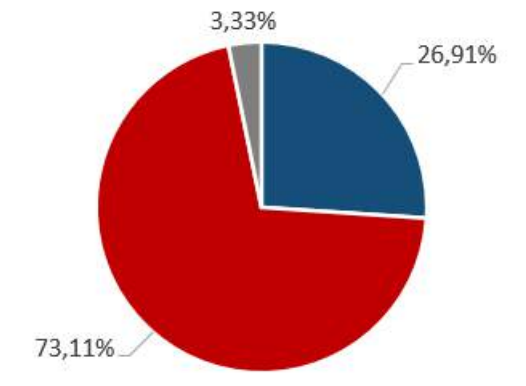
CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	KH 2023	Năm 2023	TH 2023/ KH 2023	% TH 2023/ TH 2022
1	Doanh thu vận chuyển xăng dầu trong nước	23.300	22.000	24.120	109,64%	103,52%
2	Doanh thu vận chuyển xăng dầu tái xuất	60.300	57.000	65.520	114,95%	108,66%
3	DT khác	300	1.000	2.980	298,00%	993,33%
Tổng cộng		83.900	80.000	89.620	112,03%	106,82%



Năm 2022



Năm 2023



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT - Giám đốc	23.018	722.182	15,79%	
2	Nguyễn Quang Thuận	Phó Giám đốc	16.385	0	0,35%	
3	Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	3.937	0	0,08%	Miễn nhiệm 31/12/2023
4	Phạm Việt Trung	Kế toán trưởng	0	0	0	Bổ nhiệm 01/01/2024

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

01 Nguyễn Hoàng Quân

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- **Năm sinh:** 1979
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Quá trình công tác:**

2001 - 09/2004	Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (nay là CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp)	Nhân viên
10/2004 - nay	CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- **Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 23.018 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,49% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 722.182 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15,30% tổng số cổ phần lưu hành

02 Nguyễn Quang Thuận

Phó Giám đốc

- **Năm sinh:** 1965
- **Trình độ chuyên môn:** Thuyền trưởng hạng Nhất
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Quá trình công tác:**

1996 - 1997	Công ty Vật tư và Xuất nhập khẩu Đồng Tháp	Thủy thủ tàu ĐT 6B
1997 - 2006	Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Thuyền trưởng tàu Sông Tiền 19
2006 - 2007	Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Thuyền trưởng tàu Sông Tiền 22
2007 - 2012	CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	Thuyền trưởng tàu Đồng Tháp 09
2012 - 2017	CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	Thuyền trưởng tàu Đồng Tháp 12
2018 - nay	CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
15/04/2022 - nay	CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	Phó Giám đốc

- **Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 16.385 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,35% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số cổ phần lưu hành



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

03 Lê Thị Thanh

Kế toán trưởng

- Năm sinh:** 1967
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- Quá trình công tác:**

2012 - 31/12/2023 CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp Kế toán trưởng

- Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 3.937 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,08% tổng số cổ phần lưu hành

04 Phạm Việt Trung

Kế toán trưởng

- Năm sinh:** 1985
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- Quá trình công tác:**

2017 - nay CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp Phó phòng Kế toán

01/01/2024 - nay CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp Kế toán trưởng

- Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%% tổng số cổ phần lưu hành

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Thị Thanh	Kế Toán trưởng		31/12/2023
2	Phạm Việt Trung	Kế Toán trưởng	01/01/2024	

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	100	100%
1	Trên đại học, đại học	13	13%
2	Cao đẳng	02	2%
3	Công nhân kỹ thuật	83	83%
4	Phổ thông	02	2%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	100	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1 - 3 năm)	14	14%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	86	86%
C	Giới tính	100	100%
1	Nam	92	92%
2	Nữ	08	8%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	104	104	104	100
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.200.000	7.200.000	8.000.000	11.000.000

TỔ CHỨC NHÂN SỰ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất cho người lao động và triển khai các khóa đào tạo nâng cấp các nghiệp vụ, kỹ năng cho người lao động phát huy tốt nhất khả năng, sở trường, vai trò của mình. Qua đó, người lao động có thể phát huy và phát triển bản thân, tăng động lực, gắn bó cùng với Công ty trong thời gian dài.

» **Đối với công tác đào tạo:** Hằng năm, DOPETCO luôn thực hiện tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ của các phòng chuyên môn, đảm bảo đội ngũ nhân sự dễ dàng phát triển trong công việc cũng như luôn tự tin đảm nhận nhiều vai trò mới. Bên cạnh đó, Công ty còn đa dạng hóa các hình thức đào tạo để phù hợp với từng bộ phận, từng lộ trình và từng vị trí công việc khác nhau. Không chỉ đào tạo chuyên về công việc, DOPETCO còn thực hiện công tác phối hợp các cơ sở đào tạo để tổ chức các lớp học huấn luyện kỹ năng cho người lao động, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên. Để có thể đối phó với các trường hợp xảy ra, Công ty luôn trong trạng thái chủ động và sẵn sàng trong mọi công tác nhân sự.

» **Đối với công tác lương, thưởng, phúc lợi:** Công ty luôn đảm bảo các chế độ về phúc lợi và chính sách xã hội theo đúng luật lệ và quy định của nhà nước. Không những thế, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Qua đó, Công ty luôn xây dựng chính sách đãi ngộ theo hướng cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập tương xứng với hiệu quả và chất lượng làm việc. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các chuyến du lịch, tham quan nhằm tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết của cả tập thể.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

* Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Đơn vị	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng cổ phần (CP)
1	CTCP Vận tải Dầu khí MeKong	7.046	704.600
2	CTCP BMC Đồng Tháp	2.627	253.149
3	CTCP Dịch vụ du lịch Mỹ Trà	300	30.000
4	CTCP Global Tanker	5.833	579.175
Tổng cộng		15.806	1.556.924

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT Không có





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% TH 2023/ TH 2022
1	Tổng giá trị tài sản	97.094	96.633	99,52%
2	Doanh thu thuần	83.666	86.639	103,55%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.214	14.779	144,70%
4	Lợi nhuận khác	(195)	748	(383,23%)
5	Lợi nhuận trước thuế	10.019	15.528	154,99%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.024	12.442	155,07%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

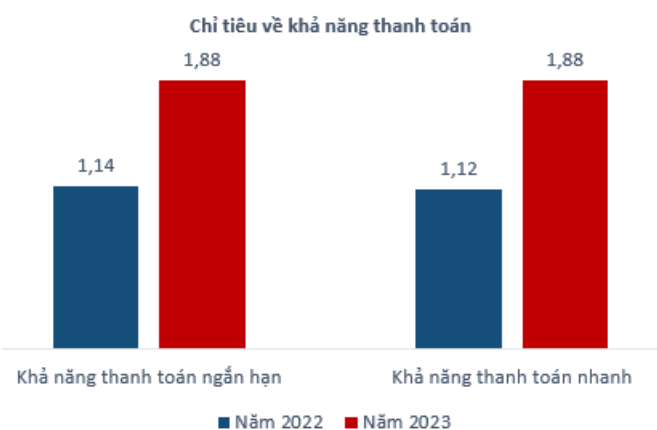
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,88
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,12	1,88
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,21	15,40
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,55	18,21
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	124,62	54,19
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,86	0,89
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	9,59	14,36
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10,84	15,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	8,28	12,85
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,21	17,06

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Tại thời điểm 31/12/2023, các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ, cho thấy khả năng tài chính của Công ty lành mạnh, có khả năng chi trả các khoản phải trả khi đến hạn. Cụ thể, chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,14 đến 1,88 lần. Nguyên nhân chính là do tốc độ giảm của nợ ngắn hạn mạnh hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Trong năm 2023, Công ty đã nỗ lực cân đối dòng tiền, tất toán các khoản phải trả với người bán. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính, cụ thể là các khoản vay từ ngân hàng Vietinbank, MBBank, BIDV, Công ty đã thực hiện tất toán các khoản vay. Từ đó cho thấy, tình hình tài chính được đảm bảo lành mạnh, minh bạch, vốn được bảo toàn.

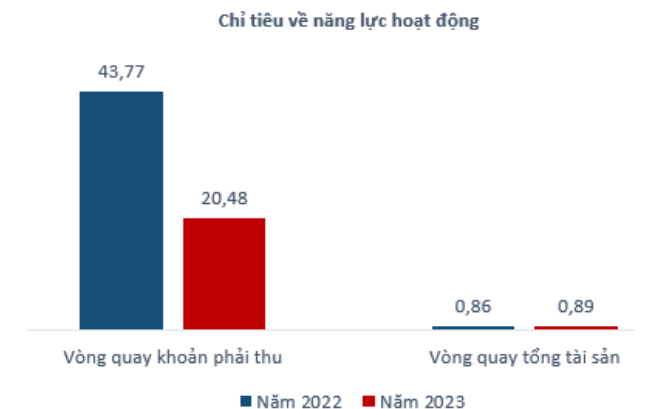


CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực dịch vụ vận tải diễn ra thuận lợi, với doanh thu đạt được tăng trưởng và chi phí giảm liên quan đến việc mua sắm nguyên vật liệu cần thiết cho vận tải. Điều này đã tạo ra sự phát triển tích cực về khả năng hoạt động của Công ty, mặc dù có một số biến động trong các chỉ số cụ thể. Đáng chú ý, tốc độ thu hồi các khoản phải thu giảm từ 23,29 lần xuống còn 20,48 lần. Trong khi đó, hiệu quả sử dụng tổng tài sản nhìn chung đã cải thiện một chút, với vòng quay tài sản tăng nhẹ 0,03 lần, đạt 0,89 lần so với năm trước.

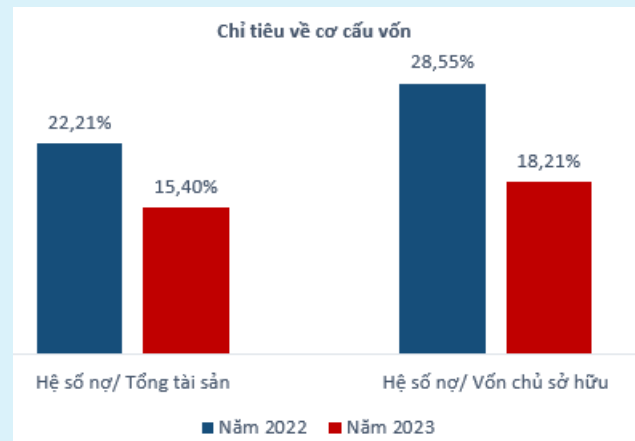
Trong năm, DOP đã đầu tư thêm tài sản nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Đây là một dấu hiệu tích cực, phản ánh sự linh hoạt và khả năng thích ứng của Công ty trước bối cảnh kinh tế thách thức. Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đang ở trạng thái ổn định. Vấn đề vòng quay khoản phải thu trong năm chưa phải là vấn đề quá nghiêm trọng ảnh hưởng đến năng lực hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trước bối cảnh thách thức của nền kinh tế, Công ty vẫn sẽ song song tận dụng cơ hội trong ngành vận tải, cùng với tăng cường tập trung phát triển hoạt động cung cấp dịch vụ, nhằm mang lại sự tăng trưởng trong doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Nhìn chung, các chỉ số về nguồn vốn của DOPETCO tại thời điểm 31/12/2023 đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, hệ số nợ/ Tổng Tài sản giảm từ 22,21% xuống 15,4%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc các khoản chiếm tỷ trọng lớn như các khoản phải trả người bán cùng vay và nợ thuê tài chính giảm. Trong năm 2023, Công ty đã nỗ lực cân đối dòng tiền, tất toán các khoản phải trả với người bán. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính, cụ thể khoản vay với VIETINBANK, MBBANK, BIDV. Từ đó cho thấy, tỷ lệ vay của Công ty càng ngày càng giảm, tình hình tài chính được đảm bảo lành mạnh, minh bạch, vốn được bảo toàn.

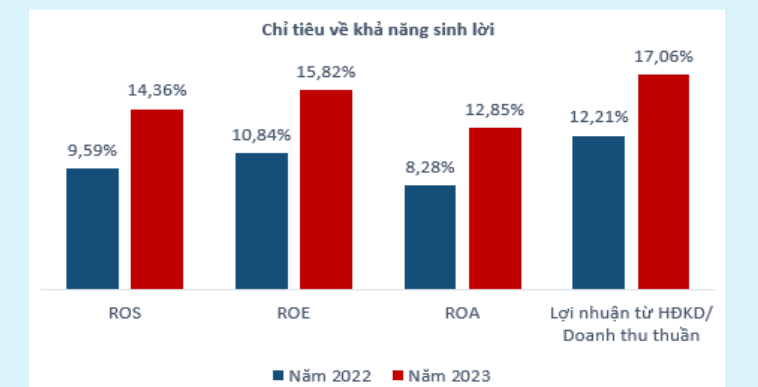


CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Trong năm 2023, tình trạng chung của các doanh nghiệp Ngành vận tải đối mặt với thị trường kinh doanh diễn biến khó lường. Nhiều tàu lớn phải cắt giảm tuyến chuyển và cơ cấu tuyến chuyển, bên cạnh đó giá cước vận tải và giá cước thuê tàu có dấu hiệu khởi sắc. Giữa bối cảnh giá cước cải thiện là yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp vận tải nói chung và với DOP nói riêng, điều này góp phần khiến cho hầu hết các hệ số trong chỉ tiêu khả

năng sinh lời trong năm 2023 của DOP tăng đáng kể, cụ thể: Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS) tăng 4,77%, đạt 14,36%; Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng 4,98%, đạt mức 15,82%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA) và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần lần lượt tăng 4,57% và 4,85% so với cùng kỳ năm 2022. Qua đó, nhờ có hậu thuẫn từ các chính sách của Chính phủ đã góp phần lớn tạo nên sự tăng trưởng đối với các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đồng thời cũng cho thấy được Công ty đang quản lý và sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn năm trước.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

4.719.950
cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

4.719.950
cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

0
cổ phiếu

Loại cổ phần

**CỔ PHẦN
PHỔ THÔNG**

Mệnh giá cổ phần

10.000
/cổ phiếu

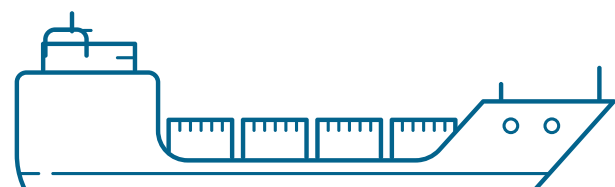
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Tính tại ngày 24/05/2023)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	2.407.272	2.407.272.000.000	51,00%
II	Cổ đông trong nước	4.694.750	4.694.750.000.000	99,47%
1	Cá nhân	2.241.838	2.241.838.000.000	47,50%
2	Tổ chức	2.452.912	2.452.912.000.000	51,97%
III	Cổ đông nước ngoài	25.200	25.200.000.00	0,53%
1	Cá nhân	7.100	7.100.000.000	0,15%
2	Tổ chức	18.100	18.100.000.000	0,38%
Tổng cộng (II + III)		4.719.950	47.199.500.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA 0% (Tính tại ngày 31/12/2023)

Căn cứ công văn số 8010/UBCK-PTTT ngày 20/11/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp (DOP), tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của DOP là 0%.



DANH SÁCH NHỮNG CỔ ĐÔNG LỚN

(Tính tại ngày 31/12/2023)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	CTCP Dầu khí Đồng Tháp	Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	2.407.272	51,00%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	Cổ phần hóa - 2004		18.172.600.000		Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006.
2	2007	5.451.780.000	23.624.380.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/05/2007
3	2008	20.080.720.000	43.705.100.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007. Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17/01/2008
4	2019	3.494.400.000	47.199.500.000	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Xăng, dầu, nhớt là nguồn nguyên liệu được Công ty sử dụng chủ yếu để vận hành máy móc thiết bị và là nhiên liệu cho tàu thuyền, sà lan. Do đó, Công ty luôn nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nguyên liệu này. Công ty luôn chú trọng quản lý, giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường, công tác bảo quản lưu trữ tại các kho chứa theo đúng quy định pháp luật về môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện công tác bảo quản lưu trữ tại các kho chứa theo đúng quy định nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí hoạt động. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ quy định về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong hoạt động kinh doanh của Công ty, quá trình tiêu thụ các năng lượng như xăng, dầu, nhớt là một nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Nhằm bắt được tình hình đó, Công ty đã có những chính sách phù hợp như đưa ra định mức sử dụng, chi phí sử dụng hợp lý, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm giảm tiêu hao. Điều này góp phần bảo vệ môi trường sống xung quanh ở địa phương và tiết kiệm chi phí sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

TIÊU THỤ NƯỚC

DOPETCO sử dụng phần lớn nước để cung cấp nước ngọt cho người lao động di chuyển trên tàu. Bên cạnh đó, nước còn được dùng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, DOPETCO nhận thức được rằng phải tiết kiệm nước và hạn chế nước thải sinh hoạt gây ảnh hưởng đến môi trường. Qua đó, Công ty đã đưa ra một số quy định về vấn đề sử dụng nước và xử lý nước thải. Song song với việc đó, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra định kì lượng nước sử dụng nhằm đưa ra được các giải pháp và phương hướng xử lý kịp thời với mọi trường hợp có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty luôn thường xuyên nhắc nhở nhân viên sử dụng nước tiết kiệm nhưng hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và phát triển bền vững.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của Nhà nước, đồng thời thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả nhằm làm giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên liên tục cập nhật các văn bản pháp luật mới để kịp thời nắm bắt các quy định mới liên quan. Kết quả là trong năm 2023, Công ty không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường cũng như không phải đóng một khoản phạt nào.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

DOPETCO luôn đề cao các chính sách liên quan đến người lao động. Công ty luôn tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Bên cạnh đó, Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp để thúc đẩy người lao động tham gia cống hiến cho Công ty. Để đảm bảo tính công bằng, lương của nhân viên đều được Công ty tính dựa theo chức danh và năng lực làm việc. Không những thế, Công ty luôn đảm bảo trang bị, cung cấp đầy đủ chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tổ chức tặng quà, hỗ trợ tiền mặt cho nhân viên vào các dịp Lễ, Tết. Song song với việc đó, Công ty còn xem xét thưởng thêm cho các cá nhân có thành tích nổi trội cũng như có sáng kiến góp phần vào quá trình phát triển của Công ty. Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả người lao động, nếu phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp hoặc mãn tính do ảnh hưởng của công việc, Công ty sẽ có trách nhiệm bố trí cho người lao động đi chữa trị. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao và cho nhân viên tham gia du lịch để tăng mức độ gắn kết giữa lãnh đạo Công ty và các nhân viên.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

DOPETCO xác định được rằng hoạt động kinh doanh của Công ty phải gắn liền với trách nhiệm cộng đồng. Đây cũng là một hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển bền vững của Công ty. Do đó, Công ty đã thực hiện đóng góp vào sự phát triển của địa phương cả về phương diện kinh tế và an sinh xã hội thông qua các hoạt động như hoạt động đồng hành cùng PETIMEX thực hiện chương trình “Sóng và máy tính cho em” giúp các em học sinh có cơ hội tiếp cận với công nghệ thông tin để chủ động trong học tập, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà đại đoàn kết giúp người dân ổn định cuộc sống, an cư lập nghiệp.

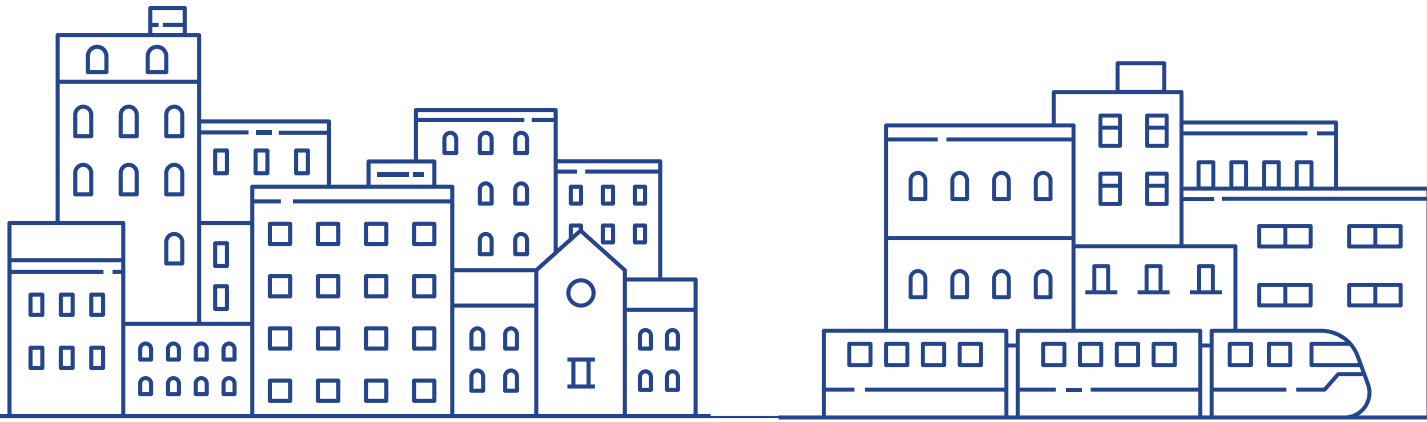


03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỦA NĂM 2023

Năm 2023, tình hình kinh tế Việt Nam đã tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp tái khởi động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, ngành vận tải xăng dầu bao gồm Công ty, cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do tình hình kinh tế - chính trị toàn cầu. Là một trong những đơn vị chính tham gia vào chương trình ổn định thị trường nhiên liệu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận, đội ngũ cán bộ và nhân viên của Công ty đã không ngừng sáng tạo, cung cấp đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị phần, và tăng quy mô hoạt động mỗi năm, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh việc đạt được kết quả kinh doanh, DOPETCO đã chủ động thực hiện các biện pháp quản lý tài chính hiệu quả, tăng cường dự trữ để đối phó với rủi ro tài chính, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số nhiên liệu và tối ưu hóa chi phí vận hành để tăng lợi nhuận sau thuế.



THUẬN LỢI

- » Kinh tế - xã hội đang hồi phục sau đại dịch COVID-19, các doanh nghiệp tập trung vào sản xuất kinh doanh, nhu cầu sử dụng xăng dầu tăng cao tạo cơ hội cho hoạt động vận chuyển của Công ty.
- » Thị trường tàu dầu trong năm có nhiều thời điểm khởi sắc, đội tàu dầu đã tận dụng được cơ hội thị trường để hoạt động hiệu quả.
- » Hội đồng quản trị, Đảng ủy, Ban điều hành, Công đoàn và Đoàn thanh niên trong Công ty luôn đoàn kết thống nhất trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tạo sự tin tưởng cho cán bộ công nhân viên, cổ đông của Công ty.
- » Công ty nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ PETIMEX và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, điều này là động lực để Công ty phát triển hơn nữa trong tương lai.
- » Nguồn nhân sự cả trên bờ và dưới tàu đều được tuyển chọn kỹ lưỡng, đào tạo và huấn luyện bài bản, kinh nghiệm chuyên môn vững vàng, có thể đáp ứng được việc quản lý, khai thác nhiều chủng loại tàu với yêu cầu khắt khe từ các chủ hàng, chủ cảng.
- » Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt kế hoạch, lợi nhuận tăng trở lại và các mục tiêu đề ra được hoàn thành đúng định hướng.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2023, doanh thu của Công ty đã tăng trưởng rõ rệt so với cùng kỳ. Công ty đã tổ chức hoạt động kinh doanh một cách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh thực tế. Đặc biệt, việc thúc đẩy nguồn hàng vận chuyển mới trong cả việc vận chuyển nội địa và tái xuất đã được thực hiện một cách tích cực thông qua việc tương tác chủ động với các đối tác, xây dựng kế hoạch vận chuyển hợp lý. Bên cạnh đó, khách hàng đã tin tưởng vào công ty vì giá trị của hàng hoá, dịch vụ và chất lượng phục vụ đã được cải thiện và nâng cao lên một cách rõ rệt.

KHÓ KHĂN



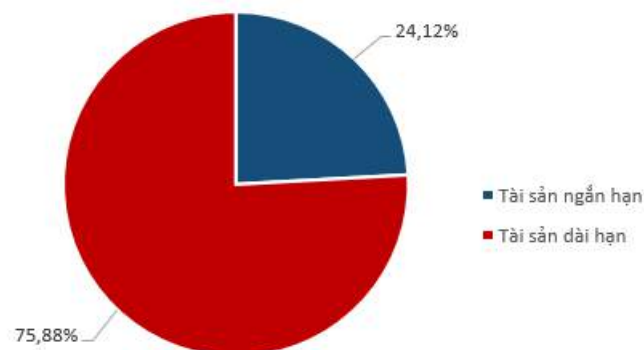
- » Thị trường vẫn có những diễn biến khó lường do biến động chính trị, xung đột tại một số khu vực dẫn đến lạm phát tăng cao, thay đổi làm giảm nhu cầu vận chuyển nhiều mặt hàng chủ chốt.
- » Nhiều doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, trong đó có Công ty mẹ PETIMEX, đã bị lập biên bản vi phạm hành chính, gây ảnh hưởng đáng kể đến cung ứng và vận chuyển xăng dầu của Công ty.
- » Sau một thời gian hoạt động vận chuyển, quy mô đội tàu giảm và chất lượng đội tàu không còn được như trước do tàu già hơn. Trong khi đó, cơ hội để đầu tư phát triển và trẻ hóa đội tàu gặp trở ngại từ quy định về cơ chế mua/bán tàu và giá tàu bị đẩy lên quá cao.
- » Thị trường có xu hướng chuyển sang vận chuyển những lô hàng lớn hơn, yêu cầu tuổi tàu trẻ hơn với những tính năng tốt hơn nên những tàu mà Công ty đang sở hữu không đáp ứng được.
- » Tuổi đời tàu tăng lên, cần bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, gây ảnh hưởng đến hoạt động vận hành.
- » Cạnh tranh gay gắt trong dịch vụ vận tải xăng dầu đường thủy từ các đơn vị khác, chi phí tăng cao ở các đầu cảng làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh.
- » Lượng hàng hóa về kho cảng của PETIMEX giảm, ảnh hưởng đến hoạt động phân phối và vận chuyển đến các đơn vị kinh doanh, đồng thời giảm hệ thống cung ứng trong ngành vận tải xăng dầu.
- » Các quy định, tiêu chuẩn của bộ luật quản lý an toàn hàng hải ngày càng khắt khe hơn đối với vấn đề giảm phát thải CO2 và phòng chống ô nhiễm dầu... yêu cầu phải có những tàu hiện đại, mức tiêu thụ ưu việt hơn thế hệ tàu cũ và tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn ngày càng cao hơn. Điều này đồng nghĩa với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng để duy trì tình trạng đội tàu ngày càng tăng lên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

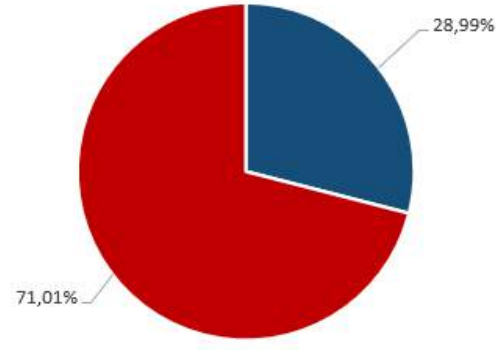
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	23.421	24,12%	28.015	28,99%	4.594	19,62%
Tài sản dài hạn	73.673	75,88%	68.618	71,01%	(5.056)	(6,86%)
Tổng tài sản	97.094	100,00%	96.633	100%	(462)	(9,63%)



Năm 2022



Năm 2023

Tính tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty ghi nhận sự giảm nhẹ, đạt 96.633 triệu đồng, giảm gần 10% so với cùng kỳ. Cụ thể, yếu tố tài sản ngắn hạn tăng mạnh mẽ nhất, từ 23.421 triệu đồng lên 28.015 tỷ đồng, tăng 19,62% so với cùng kỳ trong năm 2022. Nguyên nhân của sự tăng trưởng đến từ các khoản tiền và tương đương tiền tăng lên như khoản ngoại tệ tăng từ . Ngoài ra, các khoản phải thu khách hàng cũng góp phần vào làm cho tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên. Công ty cần phải nỗ lực đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ nhằm ổn định dòng tiền và tăng tính thanh khoản trong bối cảnh thị trường biến động.

Ngoài ra, chỉ tiêu tài sản dài hạn trong kỳ giảm nhẹ, giảm 6,86% so với cùng kỳ trong năm 2022. Nguyên nhân chính là do tài sản cố định hữu hình giảm, do trong năm Công ty đã thanh lý một số tài sản cố định như xe ô tô 7 chỗ và tàu ST25.

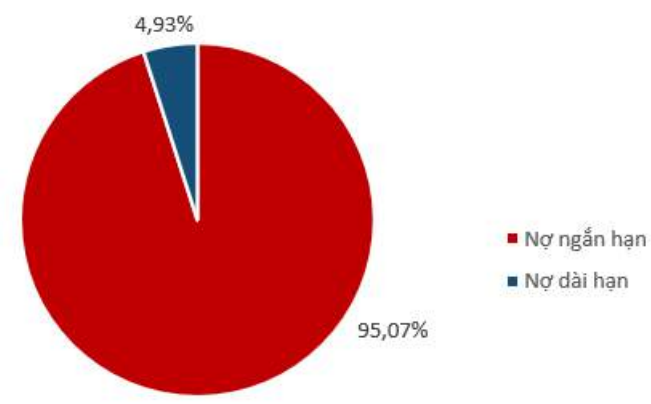


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

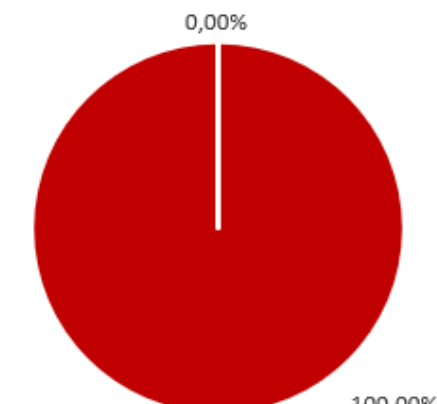
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	20.501	95,07%	14.883	100%	(5.617)	(4,93%)
Nợ dài hạn	1.063	4,93%	0	0%	0	0
Tổng nợ phải trả	21.564	100,00%	14.883	100%	(6.680)	(30,98%)



Năm 2022



Năm 2023

Nhìn chung, tình hình nợ phải trả của DOPETCO tính tới thời điểm 31/12/2023 ghi nhận sự giảm mạnh, đạt 14.883 tỷ đồng. Trong cơ cấu nợ phải trả năm 2023, đã có sự dịch chuyển rõ rệt, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng 100% trong cơ cấu nợ. Yếu tố chủ yếu làm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn giảm là các khoản vay từ ngân hàng VIETINBANK, MBBANK, BIDV. Công ty đã thực hiện tất toán các khoản vay. Từ đó cho thấy, công ty luôn nỗ lực tái cấu trúc nguồn vốn để giảm nợ nhằm xây dựng nền tảng tài chính ngày càng lành mạnh.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn tất kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng. Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, điều lệ tổ chức hoạt động ngày càng được hoàn thiện hơn, từ đó tạo nên nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng mục tiêu đã đặt ra.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu	82 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	9,5 tỷ đồng
3	Cổ tức	10%/ 1 cổ phần
4	Quỹ đầu tư phát triển tối đa	10%/lợi nhuận sau thuế
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa	15%/ lợi nhuận sau thuế

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ đã xác nhận báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

» ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường mà còn cam kết đặt sứ mệnh giảm thiểu tiêu thụ nguyên vật liệu và nhiên liệu gây hại đối với môi trường. Đồng thời, chú trọng vào việc thực hiện các biện pháp an toàn và phòng chống cháy nổ, nhằm bảo vệ người lao động cũng như tài sản của công ty.

Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các quy định, Công ty còn chủ động trong việc tạo ra một môi trường làm việc lý tưởng. Việc sắp xếp không gian làm việc sao cho gọn gàng, sạch sẽ, và khoa học không chỉ tạo điều kiện tốt cho công việc mà còn góp phần vào việc tạo nên một môi trường làm việc văn minh, hiện đại. Thêm vào đó, việc trồng cây xanh, quan tâm đến việc bảo quản và phát triển cây cối không chỉ làm đẹp môi trường làm việc mà còn tạo ra một không gian thoáng đãng, gần gũi với thiên nhiên.

Những nỗ lực này không chỉ nhằm mục đích cải thiện môi trường làm việc mà còn là để tạo ra những điều kiện tốt nhất cho nhân viên. Việc tăng cường ý thức bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện các hành động cụ thể không chỉ là trách nhiệm của Công ty mà còn là sự đóng góp tích cực của mỗi cá nhân góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và ý thức bảo vệ môi trường cho cả cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

» ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện các quy định về an toàn lao động và quy trình vận chuyển, Công ty luôn đặt mục tiêu đảm bảo việc trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và tạo điều kiện làm việc hợp lý, mang lại hiệu quả cao cho người lao động. Đồng thời, Công ty tiếp tục tập trung vào việc tăng cường hoạt động tuyên truyền và đào tạo về an toàn lao động cũng như phòng cháy chữa cháy. Mục tiêu của Công ty là nâng cao nhận thức của người lao động, khuyến khích tự bảo vệ mình và phòng tránh tai nạn lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng đưa ra thông điệp và khuyến nghị đến nhân viên, thuyền viên về việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn đồng thời quan tâm đến việc cải thiện điều kiện làm việc và vệ sinh môi trường.

Song song với việc đó, Công ty bố trí và sử dụng lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo rằng tất cả lao động đều được ký hợp đồng lao động và hưởng các chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật như BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ liên quan đến bảo hiểm như nghỉ phép năm, nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản, và hỗ trợ tử tuất cho người lao động.

Công ty không chỉ quan tâm đến đời sống vật chất mà còn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động, đặt nhiều tâm huyết vào việc nâng cao đời sống của họ. Công ty thường xuyên tổ chức các sự kiện, họp mặt nhân dịp các ngày lễ và tết để tạo động lực, gắn kết cán bộ công nhân viên với sứ mệnh và phát triển bền vững của Công ty.

» ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Việc nâng cao ý thức trách nhiệm và quan tâm đến việc cải thiện đời sống của cộng đồng địa phương không chỉ là mục tiêu quan trọng mà còn là yếu tố thiết yếu trong việc xây dựng sự phát triển bền vững cho Công ty. Công ty hiểu rằng việc hỗ trợ và chia sẻ cùng cộng đồng là cơ hội để tạo ra tác động tích cực và duy trì một môi trường sống tốt đẹp hơn cho mọi người.

Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đã và đang tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội và các chương trình tình nguyện, từ thiện bằng cách cung cấp hỗ trợ vật chất, hướng dẫn và thúc đẩy các chương trình giáo dục, y tế và phát triển cộng đồng. Công ty tin rằng việc tham gia vào những hoạt động này không chỉ giúp Công ty thực hiện trách nhiệm xã hội một cách có ý nghĩa mà còn giúp tạo ra hình ảnh đẹp về thương hiệu DOPETCO trong lòng người dân địa phương. Việc xây dựng một hình ảnh tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng góp phần tạo ra một môi trường đáng tin cậy và hỗ trợ sâu rộng cho sự phát triển chung của khu vực. Đồng thời, những hoạt động này cũng tạo ra cơ hội để Công ty hiểu rõ hơn về nhu cầu và mong muốn của cộng đồng từ đó điều chỉnh, phát triển các hoạt động xã hội có ý nghĩa hơn, phù hợp hơn với nhu cầu của người dân.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Nhờ sự định hướng chiến lược kinh doanh chính xác và hợp lý, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023 đã đạt được thành công tích cực. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã vượt xa kỳ vọng, thể hiện rõ sự nỗ lực và sự đoàn kết của Ban điều hành và tất cả nhân viên tham gia vào các hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

+ Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trước bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã đặt ra số liệu kế hoạch phù hợp đối với hoạt động kinh doanh năm 2023.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành bám sát tình hình và đưa ra các giải pháp kịp thời, cùng đưa DOPETCO bước qua thời điểm khó khăn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua. Cụ thể:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 89.623 triệu đồng, tăng 12,03% so với chỉ tiêu ĐHCĐ thông qua;
- Lợi nhuận trước thuế: đạt
- Năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh lý Xe ô tô 7 chỗ và tàu ST25;
- Đã đầu tư tàu 300T thay thế các tàu hết niên hạn nhưng do ảnh hưởng trong công tác thẩm duyệt nên chưa đưa vào khai thác đúng theo kế hoạch. Đồng thời Công ty đang làm thủ tục thanh lý các tàu hết niên hạn sử dụng.
- Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp:
- Vốn điều lệ: 47.199.500.000 đồng;
- Vốn chủ sở hữu hiện có đến cuối năm 2023: 81.749.212.205 đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- » Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong quá trình điều hành, họ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng nắm bắt tình hình thực tế để phát triển và mở rộng thị trường cũng như tìm kiếm cơ hội hợp tác mới để tăng cường doanh thu và lợi nhuận cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Công việc đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị cũng được Ban Giám đốc quan tâm đầy đủ, đảm bảo cung cấp thiết bị phù hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.
- » Ban Giám đốc luôn tập trung và sử dụng mọi nguồn lực một cách hiệu quả để đảm bảo rằng hoạt động của Công ty đang tiến hành theo đúng định hướng, mục tiêu và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- » Ban Giám đốc cũng liên tục quan tâm đến công việc quản trị nội bộ và hoạt động đối ngoại đồng thời giám sát tình hình thực hiện và đưa ra chỉ đạo kịp thời cho từng trường hợp, từng thời điểm.
- » Ban Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo và đưa ra các đề xuất quản trị quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và áp dụng các giải pháp nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Dựa trên kết quả kinh doanh khả quan của năm 2023, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và kế hoạch trích lập các quỹ năm 2024 như sau:

Lợi nhuận sau thuế	12.442.146.381	đồng
Quỹ đầu tư phát triển 10%	1.24.214.638	đồng
Cổ tức bằng tiền mặt 12%	5.663.940.000	đồng
Quỹ khen thưởng, phúc lợi 15%	1.866.321.957	đồng
Thưởng HĐQT, BKS, Thư ký, BQL	300.000.000	đồng
Lợi nhuận giữ lại	3.367.669.786	đồng



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	654	962.908	20,41%
2	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT	23.018	722.182	15,79%
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	0	0	0
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	127.440	0	2,70%
5	Thái Văn Liêm	Thành viên HĐQT	7.531	722.182	15,46%

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01 Dương Thị Mai Hưng Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh:** 1977
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- Quá trình công tác:**

04/2002 - 2007	Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Chuyên viên Phòng Kinh doanh, Phó Bí thư Đoàn ủy
2007 - 2009	Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Phó Phòng Kinh doanh, Ủy viên BCH Công Đoàn cơ sở
06/2012 - 03/2013	Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Quyền Trưởng Phòng Kinh doanh
04/2013 - nay	Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (nay là CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp)	Trưởng Phòng Kinh doanh, Bí Thư Chi bộ Khối Kinh doanh

- Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 654 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 963.562 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,40%% tổng số cổ phần lưu hành

CHI TIẾT SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA **ÔNG NGUYỄN HOÀNG QUÂN** - THÀNH VIÊN HĐQT XEM TẠI PHẦN 2 - LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

03 Huỳnh Văn Thành Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1960
- Trình độ chuyên môn:** Thuyền trưởng hạng Nhất
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- Quá trình công tác:**

04/2005 - nay CTCP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp Thành viên HĐQT

- Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%% tổng số cổ phần lưu hành

04 Nguyễn Đức Vượng Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1953
- Trình độ chuyên môn:** Kinh doanh xăng dầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- Quá trình công tác:**

04/2005 - 03/2008 Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Thành viên BKS

05/2008 - nay Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (nay là CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp) Thành viên HĐQT

- Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 127.440 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,70% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%% tổng số cổ phần lưu hành

05 Thái Văn Liêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1969
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Giám đốc Tổng kho Xăng dầu Trần Quốc Toàn
- Quá trình công tác:**

1911 - 1994 Công ty Vật tư và Xuất nhập khẩu Đồng Tháp Nhân viên

1994 - 2006 Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Phó Giám đốc Tổng kho xăng dầu trực thuộc Công ty

2006 - nay Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (nay là CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp) Giám đốc Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn

- Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 7.531 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,16% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 722.182 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15,30%% tổng số cổ phần lưu hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Trong năm 2023, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự họp đầy đủ và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	-
2	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT	3/3	100%	-
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	3/3	100%	-
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	3/3	100%	-
5	Thái Văn Liêm	Thành viên HĐQT	3/3	100%	-

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH

Hội đồng quản trị đã tổ chức 3 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	01/2023/NQ-HĐQT-DOP	08/03/2023	Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông 2023.	100%	-
2	02/2023/NQ-HĐQT-DOP	29/09/2023	Báo cáo kết quả kinh doanh 3 quý đầu năm và kế hoạch quý 4.	100%	-
3	03/2023/NQ-HĐQT-DOP	27/12/2023	Về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng	100%	-

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY Không có



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng BKS	0	0%
2	Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên BKS	0	0%

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

01 Đặng Ngọc Phú Nhơn Trưởng BKS

- **Năm sinh:** 1988
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính kế toán
- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Trưởng BKS
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Quá trình công tác:**

2012 - 2013	CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Nhân viên kế toán
2013 - 2018	CTCP Khí hóa lỏng Đồng Tháp	Kế toán trưởng
2018 - 2019	CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Nhân viên kiểm soát nội bộ
2019 - nay	CTCP Vận tải xăng dầu Đồng Tháp	Trưởng BKS

- **Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%% tổng số cổ phần lưu hành

02 Phan Hoàng Ngọc Minh Thành viên BKS

- **Năm sinh:** 1994
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế thương mại
- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên BKS
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Quá trình công tác:**

09/2015 - 05/2016	Công ty TNHH Thanaka	Chuyên viên kinh doanh kiêm quản trị bán hàng
05/2016 - 09/2016	Ngân hàng Phương Đông	Trợ lý Giám đốc miền Nam
09/2016 - 05/2017	Công ty tư vấn du học Prospero J&J	Tư vấn viên kiêm nhiệm vụ giải quyết hồ sơ
04/2019 - nay	CTCP Vận tải xăng dầu Đồng Tháp	Thành viên BKS

- **Số lượng cổ phần sở hữu:**
- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần lưu hành
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%% tổng số cổ phần lưu hành

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng BKS	1/1	100%	-
2	Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên BKS	1/1	100%	-



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
Hội đồng quản trị						
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT		54.000.000		
2	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT		42.000.000		
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT		42.000.000		
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT		42.000.000		
5	Thái Văn Liêm	Thành viên HĐQT		42.000.000		
Ban kiểm soát						
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng BKS		144.000.000		
2	Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên BKS		12.000.000		
Ban điều hành						
1	Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	492.000.000			
2	Nguyễn Quang Thuận	Phó Giám đốc	180.000.000			

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

 Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » Trong quá trình hoạt động kinh doanh, DOPETCO đã chú trọng và tuân thủ một cách nghiêm túc tất cả các quy định pháp luật về quản trị Công ty. Các thủ tục và quy trình hoạt động của Công ty được thi hành một cách chuẩn mực, tuân theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ để thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp và xác nhận sự tồn tại cũng như uy tín của DOPETCO trên thị trường.
- » Ban lãnh đạo của DOPETCO luôn đặt ra và duy trì cơ cấu quản trị hiệu quả, coi trọng tính minh bạch và công bằng đối với các cổ đông. Bên cạnh đó, xây dựng các tiêu chuẩn về hành vi và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên, hướng tới lợi ích chung cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt là cổ đông.
- » Công ty cũng tập trung vào việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ lãnh đạo bằng cách đào tạo nhân sự tham gia các chương trình ngắn hạn trong lĩnh vực liên quan. Điều này giúp đáp ứng chuyên môn cũng như cập nhật kiến thức mới, tạo nền tảng quan trọng và đóng góp vào việc nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Công ty mẹ	Giấy ĐKKD số 1400147351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/07/2010	Số 472, Nguyễn Huệ, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	2023	01/2023/ NQ-ĐHQĐ-DOP	Sản lượng: 272,787,601 lít Tổng doanh thu: 21,763,134,121 Đồng
2	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	Bên liên quan khác	Giấy ĐKKD số 1400621758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/10/2007	Số 328 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	2023	01/2023/ NQ-ĐHQĐ-DOP	Sản lượng: 31,071,428 lít Tổng doanh thu: 1,638,796,966 Đồng

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

 Không có

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 Ý kiến kiểm toán
- 2 Báo cáo tài chính





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 042/2024/BCKT-CT.00025



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2024, từ trang 4 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 01 tháng 03 năm 2024

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2023-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.014.857.880	23.420.736.235
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.363.776.113	4.845.409.768
Tiền	111		9.363.776.113	4.845.409.768
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.427.235.992	8.649.535.620
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.638.375.353	3.823.310.548
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	483.743.253	1.693.458.586
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.506.734.386	3.420.606.686
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(201.617.000)	(287.840.200)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	-	473.784.487
Hàng tồn kho	141		-	473.784.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.223.845.775	9.452.006.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	508.566.621	57.289.024
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.715.279.154	9.394.717.336
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.617.692.641	73.673.376.851
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		55.111.962.744	60.984.254.565
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	54.745.962.744	60.618.254.565
Nguyên giá	222		128.530.151.717	129.066.857.730
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.784.188.973)	(68.448.603.165)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		229.318.200	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	229.318.200	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	8.759.976.460	8.759.976.460
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.046.000.000)	(7.046.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.516.435.237	3.929.145.826
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	4.516.435.237	3.929.145.826
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.632.550.521	97.094.113.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		14.883.338.316	21.563.550.719
Nợ ngắn hạn	310		14.883.338.316	20.500.765.033
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.513.022.974	2.047.464.923
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	5.870.960.166	4.999.953.555
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.936.033.405	2.099.509.166
Phải trả người lao động	314		2.909.148.886	3.276.856.108
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	453.235.582	954.123.024
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	409.963.318	703.222.103
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	-	4.855.079.712
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	790.973.985	1.564.556.442
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	1.062.785.686
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	-	1.062.785.686
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.749.212.205	75.530.562.367
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	81.749.212.205	75.530.562.367
Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.199.500.000	47.199.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.199.500.000	47.199.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.136.280.553	16.333.916.191
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.673.491.262	11.257.205.786
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.231.344.881	3.233.562.165
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.442.146.381	8.023.643.621
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.632.550.521	97.094.113.086



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 01 tháng 03 năm 2024

PHAN VIỆT TRUNG
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	86.638.523.503	83.665.795.805
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.638.523.503	83.665.795.805
Giá vốn hàng bán	11	6.2	25.672.108.251	29.521.304.768
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.966.415.252	54.144.491.037
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.123.104.498	439.206.971
Chi phí tài chính	22	6.4	299.190.018	1.170.469.128
Trong đó: chi phí lãi vay	23		299.188.653	974.908.277
Chi phí bán hàng	25	6.5	38.308.217.480	35.159.499.311
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.702.896.907	8.039.839.173
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.779.215.345	10.213.890.396
Thu nhập khác	31	6.7	861.690.158	300.000.000
Chi phí khác	32	6.8	113.211.617	495.308.220
Lợi nhuận khác	40		748.478.541	(195.308.220)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.527.693.886	10.018.582.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	3.085.547.505	1.994.938.555
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.442.146.381	8.023.643.621
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.636	1.445

PHAN VIỆT TRUNG
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 01 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.527.693.886	10.018.582.176
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.025.646.491	7.259.174.556
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(86.223.200)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(354.645.647)	(260.369.571)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.616.936.980)	(453.772.384)
Chi phí lãi vay	06		299.188.653	974.908.277
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.794.723.203	17.538.523.054
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.038.990)	(4.778.982.355)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		473.784.487	(473.784.487)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(640.893.378)	5.115.945.047
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.454.153.668)	290.061.456
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(299.188.653)	(974.908.277)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.256.899.555)	(262.698.018)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		518.065.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.495.194.000)	(881.183.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.628.204.446	15.572.973.087
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.382.672.870)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		977.276.818	300.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	1.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.755.246.822	153.772.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.349.850.770	453.772.384

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	-	3.775.249.640
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(5.917.865.398)	(9.032.005.352)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.896.469.120)	(8.343.442.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.814.334.518)	(13.600.197.767)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.163.720.698	2.426.547.704
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.845.409.768	2.158.492.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		354.645.647	260.369.571
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	9.363.776.113	4.845.409.768



PHAN VIỆT TRUNG
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 01 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp là Công ty Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 98 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 103 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí bảo hiểm

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Phương tiện vận tải	10 - 15

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	33.401.012	114.017.436
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	1.020.239.819	617.234.543
- USD	8.310.135.282	4.114.157.789
	9.363.776.113	4.845.409.768

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
USD	344.780,33	8.310.135.282

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Nguyên tệ USD	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp	2.831.192.180	3.047.522.239	
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	36.691.390	109.596.186	
Phải thu các khách hàng khác			
Vietsea Company Pte. Ltd	56.275,29	1.355.061.522	-
Các khách hàng khác		415.430.261	666.192.123
		4.638.375.353	3.823.310.548

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô Tô Cần Thơ	-	1.125.700.000
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Lai	125.975.216	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Song Long	337.672.800	-
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	-	264.904.900
Công ty TNHH Vận tải Kim Minh Phát	95.237	258.229.686
Các nhà cung cấp khác	20.000.000	44.624.000
	483.743.253	1.693.458.586

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	2.317.494.926	-	2.960.267.226	-
Phải thu khác	189.239.460	-	460.339.460	-
	2.506.734.386	-	3.420.606.686	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.5 Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Ông Huỳnh Thanh Phương	13.860.000	-	13.860.000	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	-	133.363.000	-
Ông Nguyễn Công Minh	-	-	86.223.200	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	54.394.000	-
	201.617.000	-	287.840.200	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho người bán	Cộng
Tại ngày 01/01/2023	(287.840.200)	-	(287.840.200)
Hoàn nhập trong năm	86.223.200	-	86.223.200
Tại ngày 31/12/2023	(201.617.000)	-	(201.617.000)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	-	-	473.784.487	-
	-	-	473.784.487	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí bảo hiểm	508.566.621	57.289.024
	508.566.621	57.289.024

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí bảo hiểm	-	57.289.019
Chi phí sửa chữa tàu	4.516.435.237	3.871.856.807
	4.516.435.237	3.929.145.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2023	2.215.883.025	126.850.974.705	129.066.857.730
Mua sắm trong năm	-	1.153.354.670	1.153.354.670
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.690.060.683)	(1.690.060.683)
Vào ngày 31/12/2023	2.215.883.025	126.314.268.692	128.530.151.717
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2023	1.246.185.457	67.202.417.708	68.448.603.165
Khấu hao trong năm	80.290.558	6.945.355.933	7.025.646.491
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.690.060.683)	(1.690.060.683)
Vào ngày 31/12/2023	1.326.476.015	72.457.712.958	73.784.188.973
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2023	969.697.568	59.648.556.997	60.618.254.565
Vào ngày 31/12/2023	889.407.010	53.856.555.734	54.745.962.744
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Vào ngày 01/01/2023	208.619.083	17.776.217.688	17.984.836.771
Vào ngày 31/12/2023	208.619.083	21.192.931.332	21.401.550.415
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay			
Vào ngày 01/01/2023	-	38.845.965.960	38.845.965.960
Vào ngày 31/12/2023	-	15.844.138.876	15.844.138.876

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2023	366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2023	366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2023	-	-
Vào ngày 31/12/2023	-	-
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2023	366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2023	366.000.000	366.000.000

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng tài sản trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định				
Xe ô tô 7 chỗ Ford Everest	-	1.153.354.670	(1.153.354.670)	-
Xây dựng cơ bản				
Đóng mới Tàu 300 tấn	-	229.318.200	-	229.318.200
	-	1.382.672.870	(1.153.354.670)	229.318.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí MeKong	7.046.000.000	(7.046.000.000)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	300.000.000	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Global Tanker	5.833.400.000	-	(*)	(*)
	15.805.976.460	(7.046.000.000)	15.805.976.460	(7.046.000.000)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 01 tháng 01 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí MeKong: Kinh doanh vận tải hàng hoá.... Công ty sở hữu 704.600 cổ phần.
- Công ty Cổ phần BMC Đồng Tháp: Kinh doanh vận tải hàng hoá.... Công ty sở hữu 253.149 cổ phần.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, tour du lịch,.... Công ty sở hữu 30.000 cổ phần.
- Công ty Cổ phần Global Tanker: Kinh doanh vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương,.... Công ty sở hữu 579.175 cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	-	140.500.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	-	1.082.470.250
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Lai	-	816.103.673
XI nghiệp Sơn Hải Âu	764.306.070	-
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	672.314.744	-
Các đối tượng khác	76.402.160	8.391.000
	1.513.022.974	2.047.464.923

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác		
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Xăng dầu Savimex	4.186.668.953	3.522.030.703
Kho BVM Campuchia	1.652.005.041	1.386.685.435
Các khách hàng khác	32.286.172	91.237.417
	5.870.960.166	4.999.953.555

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phát sinh trong năm			31/12/2023 Phải nộp VND
	01/01/2023 Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.994.938.555	3.085.547.505	(2.256.899.555)	2.823.586.505
Thuế thu nhập cá nhân	104.570.611	177.427.480	(169.551.191)	112.446.900
	2.099.509.166	3.262.974.985	(2.426.450.746)	2.936.033.405

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.527.693.886	10.018.582.176
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	293.211.617	108.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.702.972.979)	(151.889.400)
Thu nhập chịu thuế	14.117.932.524	9.974.692.776
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Truy thu thuế TNDN các năm trước	261.961.000	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	3.085.547.505	1.994.938.555

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí kinh doanh	453.235.582	954.123.024
	453.235.582	954.123.024

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các đối tượng khác		
Tiền thu hộ bảo hiểm hàng hóa phải trả	383.994.384	482.136.049
Cổ tức phải trả	-	176.519.120
Phải trả ngắn hạn khác	25.968.934	44.566.934
	409.963.318	703.222.103

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả				
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	2.275.862.064	2.275.862.064
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	1.205.100.000	1.205.100.000
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	1.374.117.648	1.374.117.648
	-	-	4.855.079.712	4.855.079.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2023	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết Chuyển từ vay dài hạn VND	31/12/2023 VND
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp	2.275.862.064	-	(2.275.862.064)	-	-
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp	1.205.100.000	-	(1.205.100.000)	-	-
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp	1.374.117.648	-	(1.374.117.648)	-	-
	4.855.079.712	-	(4.855.079.712)	-	-

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	3.224.137.948	3.224.137.948
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	1.205.100.000	1.205.100.000
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	1.488.627.450	1.488.627.450
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	(4.855.079.712)	(4.855.079.712)
	-	-	1.062.785.686	1.062.785.686

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2023 VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả VND	31/12/2023 VND
Vay ngân hàng	1.062.785.686	(1.062.785.686)	-	-
Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn		Tổng nợ VND	Từ dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại ngày 31/12/2023		-	-	-
Vay ngân hàng		5.917.865.398	4.855.079.712	1.062.785.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	01/01/2023 VND	Trích quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Tăng khác VND	31/12/2023 VND
5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.564.556.442	1.203.546.543	(2.495.194.000)	518.065.000	790.973.985
5.19 Vốn chủ sở hữu					
5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu					
	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	47.199.500.000	-	-	-	47.199.500.000
Lãi trong năm	-	47.199.500.000	-	-	47.199.500.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	717.230.318	-	-	717.230.318
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000
Tại ngày 01/01/2023	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	802.364.362	-	-	802.364.362
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000	47.199.500.000
Vốn dự trữ	4.412.000	15.616.685.873	735.528.390	8.920.597.960	72.476.724.223
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	8.023.643.621	8.023.643.621
Quỹ đầu tư phát triển	-	717.230.318	-	(717.230.318)	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(1.075.845.477)	(1.075.845.477)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(3.775.960.000)	(3.775.960.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	(118.000.000)	(118.000.000)
Tăng khác	-	-	-	11.257.205.786	75.530.562.367
Tổng cộng	4.412.000	16.333.916.191	735.528.390	11.257.205.786	75.530.562.367
	4.412.000	16.333.916.191	735.528.390	11.257.205.786	75.530.562.367
	-	-	-	12.442.146.381	12.442.146.381
	-	802.364.362	-	(802.364.362)	-
	-	-	-	(1.203.546.543)	(1.203.546.543)
	-	-	-	(4.719.950.000)	(4.719.950.000)
	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
	4.412.000	17.136.280.553	735.528.390	16.673.491.262	81.749.212.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	24.072.720.000	51,00%	24.072.720.000	51,00%
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thành Lược	2.538.000.000	5,38%	2.538.000.000	5,38%
Cổ đông khác	20.588.780.000	43,62%	20.588.780.000	43,62%
	47.199.500.000	100,00%	47.199.500.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.719.950	4.719.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.719.950	4.719.950
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	4.719.950	4.719.950
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.719.950	4.719.950
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	4.719.950	4.719.950

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp số 01/2023/NQ-ĐHCĐ-DOP ngày 28 tháng 04 năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	VND
Chia cổ tức trong năm (10% Vốn điều lệ)	4.719.950.000
Trích lập các quỹ	2.005.910.905
Trong đó:	
Quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	802.364.362
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% Lợi nhuận sau thuế)	1.203.546.543
Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600
Ngoại tệ các loại	31/12/2023	01/01/2023
Dollar Mỹ (USD)	344.780,33	175.170,11

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.638.523.503	83.665.795.805
	86.638.523.503	83.665.795.805

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	25.672.108.251	29.521.304.768
	25.672.108.251	29.521.304.768

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.273.843	1.882.984
Lãi cổ tức được chia	1.702.972.979	151.889.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.212.029	25.065.016
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	354.645.647	260.369.571
	2.123.104.498	439.206.971

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	299.188.653	974.908.277
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.365	195.560.851
	299.190.018	1.170.469.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	13.554.894.060	10.634.505.500
Chi phí nguyên, vật liệu	-	185.473.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.945.355.933	7.178.883.996
Chi phí sửa chữa tàu	6.532.521.373	5.782.105.319
Chi phí bán hàng khác	11.275.446.114	11.378.530.678
	38.308.217.480	35.159.499.311

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.528.100.000	2.218.900.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.290.558	80.290.560
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(86.223.200)	-
Thuế, lệ phí	759.679.844	796.074.283
Chi phí quản lý khác	6.421.049.705	4.944.574.330
	9.702.896.907	8.039.839.173

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	861.690.158	300.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	977.276.818	300.000.000
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(115.586.660)	-
	861.690.158	300.000.000

6.8 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí chậm nộp	113.211.617	-
Chi tiền bồi thường tàu	-	495.308.220
	113.211.617	495.308.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.867.643.425	29.756.878.586
Chi phí nhân công	16.082.994.060	12.853.405.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.025.646.491	7.259.174.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.149.737.364	5.782.105.319
Chi phí khác	18.643.424.498	17.069.079.291
	73.769.445.838	72.720.643.252

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.442.146.381	8.023.643.621
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.203.546.543)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.442.146.381	6.820.097.078
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	4.719.950	4.719.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.636	1.445

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính lại do loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp số 01/2023/NQ-ĐHCĐ-DOP ngày 28 tháng 04 năm 2023:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2022 Sau điều chỉnh VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.700	(255)	1.445

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	3.775.249.640

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.917.865.398	9.032.005.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	1.513.022.974	-	1.513.022.974
Phải trả khác và chi phí phải trả	863.041.966	-	863.041.966
	2.376.064.940	-	2.376.064.940
Ngày 01 tháng 01 năm 2023			
Các khoản vay và nợ	4.855.079.712	1.062.785.686	5.917.865.398
Phải trả người bán	2.047.464.923	-	2.047.464.923
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.657.345.127	-	1.657.345.127
	8.559.889.762	1.062.785.686	9.622.675.448

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố, thế chấp phương tiện vận tải, đất đai vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8, 5.16.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	1.568.874.783	378.351.923	1.568.874.783	378.351.923
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	2.867.883.570	3.157.118.425	2.867.883.570,00	3.157.118.425
Các khoản phải thu khác	2.506.734.386	3.420.606.686	2.506.734.386	3.420.606.686
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư tài chính dài hạn	8.759.976.460	8.759.976.460	8.759.976.460	8.759.976.460
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.363.776.113	4.845.409.768	9.363.776.113	4.845.409.768
	25.067.245.312	20.561.463.262	25.067.245.312	20.561.463.262
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	5.917.865.398	-	5.917.865.398
Phải trả các bên liên quan	-	1.222.970.250	-	1.222.970.250
Phải trả người bán	1.513.022.974	824.494.673	1.513.022.974	824.494.673
Phải trả khác	863.041.966	1.657.345.127	863.041.966	1.657.345.127
	2.376.064.940	9.622.675.448	2.376.064.940	9.622.675.448

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 01 tháng 01 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chia cổ tức	31.203.000	140.022.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lương, thưởng		672.000.000	480.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	492.000.000	360.000.000
Ông Nguyễn Quang Thuận	Phó Giám đốc	180.000.000	120.000.000
Thù lao		378.000.000	270.000.000
Bà Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch	54.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	42.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Đức Vương	Thành viên	42.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	42.000.000	24.000.000
Ông Thái Văn Liêm	Thành viên	42.000.000	24.000.000
Ông Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng ban Kiểm soát	144.000.000	120.000.000
Bà Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên ban Kiểm soát	12.000.000	18.000.000
		1.050.000.000	750.000.000

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**8.2.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ**

Giao dịch với Công ty mẹ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp		
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	34.778.677.210	33.326.668.253
Trả cổ tức	2.407.272.000	5.536.725.600
Bồi thường hàng thiếu	2.505.930.200	2.722.806.620
Mua dầu nhờn	960.709.092	957.743.637

Công nợ với Công ty mẹ như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp		
Phải thu khách hàng	2.831.192.180	3.047.522.239
Phải trả người bán	-	140.500.000

8.2.2 Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Giao dịch với bên liên quan khác	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp		
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.638.796.966	2.279.949.101
Mua dầu nhờn	12.269.727.031	13.224.689.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công nợ với bên liên quan khác như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp		
Phải thu khách hàng	36.691.390	109.596.186
Phải trả người bán	-	1.082.470.250


8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh dịch vụ vận tải và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu bổ trong Báo cáo tài chính.



PHAN VIỆT TRUNG
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



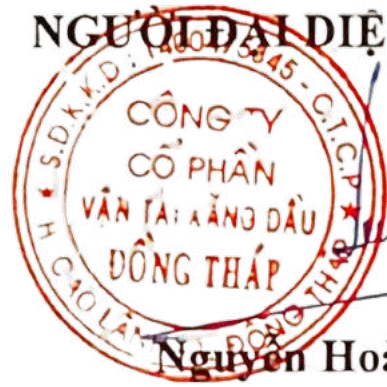
NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 01 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Nguyễn Hoàng Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

📍 181-183, đường Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

☎ 0277 3877 012 - 0277 3877 029